

Số: 37/2019/ QĐST- HNGĐ

G, ngày 03 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 04/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thanh T, sinh năm 1987.

Trú tại: Tổ dân phố số 12 Nhân Mỹ, phường M, quận N, thành phố H

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1986.

Trú tại: Xóm 4, xã G, huyện G, tỉnh N.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 81; 82; 83; 110; 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thanh T và anh Nguyễn Minh P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ con chung: Chị Lê Thanh T và anh Nguyễn Minh P đều xác nhận anh chị có 01 con chung. Cháu tên là Nguyễn Tố N, sinh ngày 30/12/2007. Hiện nay cháu N đang ở với chị Lê Thanh T. Nay ly hôn các đương sự thỏa thuận giao cháu N cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Minh P tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản và công nợ chung: Chị Lê Thanh T và anh Nguyễn Minh P đều xác định không có tài sản chung và công nợ chung.

2.3. Về án phí: Chị Lê Thanh T phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2013/0001167 ngày 10/01/2019.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện GV;
- UBND phường M, quận N, TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Q